TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2024
V/v "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Bà Mai Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 262/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2023 về "*tranh chấp Ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 226/2023/QĐST - HNGĐ ngày 15/12/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Cẩm T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số A, tổ B, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Ông Phan Tấn H, sinh năm 1957.

Địa chỉ: số A, tổ I, khóm H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông bà do quen biết sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2012 tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bà và con riêng của ông Huỳnh c cãi dẫn đến bà và ông H cũng bất hòa, mâu thuẫn kéo dài một thời gian dài mà không hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H do nhận thấy không còn hạnh

phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, ông H biết nhưng không đến Tòa án hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ lo cho gia đình.

- Về con chung: Ông bà có một con chung Phan Hoàng B, sinh ngày 23/6/2009. Hiện nay con chung đang sống với bà. Do đó nay bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Tấn H mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà T. Tại phiên tòa, ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử vụ án.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T được ly hôn ông Phan Tấn H theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Có 01 con chung Phan Hoàng B, sinh ngày 23/6/2009. Hiện con chung sống với bà T, bà yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, để bảo đảm về mọi mặt cho cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông Phan Tấn H. Ông Phan Tấn Huỳnh A có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải

quyết, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông Phan Tấn H đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Tấn H.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Cẩm T và ông Phan Tấn H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/12/2012 tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu ly hôn theo bà T là do bà và con riêng của ông Huỳnh c cãi dẫn đến bà và ông H cũng bất hòa, mâu thuẫn kéo dài một thời gian dài mà không hàn gắn được nên đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Đồng thời trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông H biết nhưng không đến Tòa và cũng không có động thái sửa đổi để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ lo cho con chung.

[2.2]. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa bà Lê Thị Cẩm T và ông Phan Tấn H tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì một trong các bên không xây dựng gia đình hạnh phúc. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng bà T không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn mà vẫn kiên quyết ly hôn.

Ông Phan Tấn H không gửi cho tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của bà T, không đến tham gia hòa giải để vợ chồng có thể hàn gắn. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà trong cuộc sống hôn nhân đã kéo dài một thời gian, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Cẩm T

[2.3]. Về con chung: Ông bà có một con chung Phan Hoàng B, sinh ngày 23/6/2009. Hiện nay con chung đang sống với bà. Do đó nay bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, để ổn định về mọi mặt của cháu B và cháu B cũng có nguyện vọng được chung sống với bà T nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Lê Thị Cẩm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Cẩm T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, phía bị đơn ông Phan Tấn H vắng mặt không gửi ý kiến, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này ông bà có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Cẩm T được ly hôn với ông Phan Tấn H.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Cẩm T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phan Hoàng B, sinh ngày 23/6/2009.

Ông Phan Tấn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Lê Thị Cẩm T không có yêu cầu.

Bà Lê Thị Cẩm T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Phan Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004470 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà Lê Thị Cẩm T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm T, bị đơn ông Phan Tấn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự " Để thi hành";
- VKSND.H Châu Thành'
- TAND.tỉnh An Giang;
- UBND thị trấn An Châu;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Xuân Bích